TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 697/2020/QĐST-HNGĐ	*Thủ Đức, ngày 23 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 108, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 661/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1988

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Trần Dương Bích N, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: 606/28 Quốc Lộ X, khu phố Y, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 7 năm 2020, các đương sự có mặt tại buổi hòa giải thống nhất việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội cụ thể như sau:

[**1**]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh H và chị Trần Dương Bích N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 181 ngày 07 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân phường H, quận T, TP. Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

[**2**]. Về nuôi con chung: Giao 02 (hai) người con tên Nguyễn Trần Thiên K, sinh ngày 29/3/2014 và Nguyễn Trần Thiên A, sinh ngày 6/11/2016 cho chị N trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho mỗi người con chung, cho đến khi lần lượt từng người con chung đủ 18 tuổi tròn, thực hiện kể từ tháng 7/2020 vào ngày cuối cùng của mỗi tháng.

[**3**]. Về tài sản chung: Anh H và chị N khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[**4**]. Về các vấn đề khác: Anh H và chị N khai không có.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh H và chị Trần Dương Bích Nthuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Giao 02 (hai) người con tên Nguyễn Trần Thiên K, sinh ngày 29/3/2014 và Nguyễn Trần Thiên A, sinh ngày 6/11/2016 cho chị N trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho mỗi người con chung, cho đến khi lần lượt từng người con chung đủ 18 tuổi tròn, thực hiện kể từ tháng 7/2020 vào ngày cuối cùng của mỗi tháng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và khi chị Trần Dương Bích N có đơn yêu cầu thi hành án; nếu anh Nguyễn Thanh H chậm thi hành việc cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền cấp dưỡng. Nếu không có thỏa thuận và có tranh chấp về lãi suất, thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung: Anh H và chị N khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh H và chị N khai không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng Anh H và chị N phải chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tiền tạm ứng án phí số 0057377 ngày 08/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức; (1)
- CC. THADS quận Thủ Đức; (1)
- UBND phường H, quận T, TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Người yêu cầu; (2)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, VP. (3)

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Công Tình